

Bản án số: 280/2019/DS-PT
Ngày 24 - 9 - 2019

*V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng, yêu cầu hủy
giấy ủy quyền, hủy hợp đồng tặng cho quyền sử
dụng đất và hủy giấy chứng nhận quyền sử
dụng đất*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Mai Tiên Dũng**

Các Thẩm phán

Ông **Vũ Viết Văn**

Bà **Trần Thị Liên Anh**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Đinh Thị Thu Hương** - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố H.N..

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố H.N.: Bà **Nguyễn Mai Thanh** - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 24 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố H.N. xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 243/2019/TLPT-DS ngày 25 tháng 7 năm 2019 về tranh chấp hợp đồng tín dụng, yêu cầu hủy giấy ủy quyền, hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do bản án dân sự sơ thẩm số 07/2019/DSST ngày 10 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân quận H.Đ., thành phố H.N. bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 268/2019/QĐ-PT ngày 26 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: VIB(VIB)

Địa chỉ: Tầng 1 (tầng trệt) và tầng 2 toà nhà Sailing, số 111A Pasteur, phường B.N., quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Hàn Ngọc Vũ** - Tổng giám đốc.

Người đại diện theo uỷ quyền: Bà **Trần Thị Thu Hà** - Giám đốc Trung tâm Quản lý nợ KHCN, khối Quản trị rủi ro VIB. (Giấy uỷ quyền số 3.0141.17 ngày 16/01/2017). Người đại diện theo uỷ quyền tham gia tố tụng: ông **N.M.H.**, sinh năm 1990; ông **N.Q.T.**, sinh năm 1987; ông **C.C.T.**, sinh năm 1979 - cán bộ VIB(VIB). Giấy uỷ quyền số 3.0297.19 ngày 01/02/2019.

Địa chỉ: Tầng 6 toà nhà Corner Stone, số 16 P.C.T., phường P.C.T., quận H.K., thành phố H.N.. (Có mặt ông Hưng, ông Thắng)

Bị đơn: 1. Ông **N.V.Đ.**, sinh năm 1966; (Có mặt)

2. Bà **N.T.T.**, sinh năm 1966; (vắng mặt)

Trú tại: Tổ dân phố số 9, phường Y.N., quận H.Đ., TP. H.N..

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông **N.Đs.**, sinh năm 1970; (vắng mặt)

2. Bà **N.T.K.**, sinh năm 1931; (vắng mặt)

Cùng trú tại: Tổ dân phố số 9, phường Y.N., quận H.Đ., TP. H.N..

3. **Văn phòng Công chứng miền Bắc;** (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 3 Trần Đăng Ninh, phường Quang Trung, quận H.Đ., H.N..

4. **UBND quận H.Đ.**, thành phố H.N.;

Địa chỉ: Khu trung tâm hành chính quận H.Đ., phường Hà Cầu, quận H.Đ., H.N.. Người đại diện theo pháp luật: Ông Vũ Ngọc Phụng – Chủ tịch UBND quận. Người đại diện theo uỷ quyền: Bà Cán Thị Việt Hà – Phó Chủ tịch UBND quận; (vắng mặt)

Do có kháng cáo của bị đơn là ông N.V.Đ..

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo án sơ thẩm vụ án có nội dung như sau:

Tại đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện Ngân hàng thương mại cổ phần Quốc tế Việt Nam trình bày: Ngày 14/9/2011 VIB có ký hợp đồng tín dụng số 0083/HĐTD-VIB020/11 ngày 14/9/2011 với ông N.V.Đ. và bà N.T.T. có nội dung VIB cho ông N.V.Đ., bà N.T.T. vay 700.000.000 đồng; thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày nhận nợ đầu tiên; mục đích vay là để mua nhà ở; lãi suất tại thời điểm giải ngân là 22,5%/ năm, sau điều chỉnh 3 tháng/ lần; lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất vay

Tài sản đảm bảo cho khoản vay trên là quyền sử dụng đất tại thửa đất số 13, tờ bản đồ số 8 có diện tích 255,7m² tại địa chỉ: Nghĩa Lộ, phường Y.N., quận H.Đ., TP. H.N. theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD737516 do UBND quận H.Đ., TP. H.N. cấp ngày 17/8/2011 mang tên ông N.V.Đ. được thế chấp cho VIB theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số công chứng 2792/2011, quyền số 06TP/CC-SCC/HĐTC ký ngày 9/9/2011 tại Văn phòng công chứng H.Đ.. Tài sản trên đảm bảo cho số tiền vay cao nhất là 1.500.000.000 đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ngân hàng đã giải ngân toàn bộ số tiền 700.000.000 đồng tiền vay cho ông Đặc, bà Thu theo kế ước nhận nợ số 0083/KWNN-VIB020/11 ngày 14/9/2011; Ông Đặc, bà Thu đã thanh toán trả cho VIB 114.901.068 đồng; lãi trong hạn là 133.111.361 đồng; lãi quá hạn là 15.940.594 đồng; sau đó không thanh toán trả nợ cho Ngân hàng nữa. Vì vậy toàn bộ khoản vay trên của ông N.V.Đ., bà N.T.T. đã bị chuyển sang nợ quá hạn kể từ ngày 10/9/2012. Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc, nhắc nhở ông Đặc, bà Thu thanh toán tiền trả ngân hàng nhưng ông Đặc, bà Thu không trả.

Việc ông Đặc, bà Thu chậm thanh toán trả nợ cho Ngân hàng đã vi phạm hợp đồng tín dụng hai bên đã ký kết, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng.

Nay VIB khởi kiện đề nghị ông Đặc, bà Thu thanh toán trả ngân hàng toàn bộ số tiền còn nợ theo hợp đồng tín dụng số 0083/HĐTD-VIB020/11 ngày 14/9/2011.

Ngày 6/6/2018 đại diện VIB có đơn đề nghị rút một phần yêu cầu khởi kiện không tính lãi phạt đối với khoản vay của ông N.V.Đ..

Tạm tính đến ngày 10/5/2019 là ngày đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm, tổng số tiền ông N.V.Đ. và bà N.T.T. nợ VIB tổng số tiền là 1.515.577.514 đồng trong đó nợ gốc là 585.098.932 đồng; lãi trong hạn là 216.074.888 đồng; lãi quá hạn là 714.403.694 đồng.

Phía bị đơn: Ông N.V.Đ. thừa nhận năm 2011 vợ chồng ông có ký hợp đồng tín dụng vay VIB 700.000.000 đồng trong thời hạn vay là 60 tháng; mục đích để mua nhà ở; lãi suất tại thời điểm vay là 22,5%/năm. Khi vay tiền ngân hàng ông có dùng tài sản là quyền sử dụng đất thuộc quyền sở hữu của ông tại thửa đất số 13, tờ bản đồ số 8, diện tích 255,7 m² tại Nghĩa Lộ, P. Y.N., quận H.Đ. thế chấp cho ngân hàng làm tài sản đảm bảo cho khoản vay trên của vợ chồng ông. Hiện thửa đất thế chấp gia đình vẫn để trống, chỉ trồng vài cây bưởi.

Sau khi ký hợp đồng, ông đã nhận đủ số tiền 700.000.000 đồng và mới thanh toán trả được 115.000.000 đồng tiền nợ gốc và hơn một trăm triệu tiền lãi vì vậy số tiền nợ gốc ông còn nợ là 585.000.000 đồng và tiền lãi. Nay ngân hàng khởi kiện yêu cầu trả nợ, ông xin ngân hàng miễn cho vợ chồng ông toàn bộ tiền lãi, còn tiền nợ gốc ông xin trả ngân hàng trong vòng 2 tháng.

Bị đơn là bà N.T.T. không đến toà làm việc cũng không trình bày ý kiến, quan điểm của mình đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

Quá trình giải quyết vụ án, ông N.Đs. - em trai ông N.V.Đ. có đơn đề nghị hủy văn bản công chứng số 292, quyển số 01 do Văn phòng công chứng Miền Bắc lập ngày 23/11/2011; hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số công chứng 7884, quyển 06 ngày 10/3/2011 tại Văn phòng công chứng Miền Bắc và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BĐ 737516 do UBND quận H.Đ. đã cấp cho ông N.V.Đ. ngày 17/8/2011 vì mảnh đất đó là của ông và mẹ ông; ông không cho ông Đặc thừa đất đó. Theo ông Đặc trình bày vào khoảng năm 1987, 1988 bố mẹ ông có nói là chia đất làm ba phần: Bố mẹ ông một phần, cho ông và ông N.V.Đ. mỗi ông một phần. Bố mẹ ông chỉ nói thế thôi chứ không làm giấy tờ sang tên nhà đất cho các ông gì cả. Sau đó ông thấy bố mẹ ông làm sổ đỏ và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bố mẹ ông. Sau khi được cấp sổ đỏ thì bố ông ở với ông N.V.Đ. còn mẹ ông ở với ông. Bố mẹ ông tự chia đất làm hai và làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với hai thửa đất chia tách đó, diện tích của từng thửa bao nhiêu ông không biết chỉ biết là một sổ đỏ đứng tên mẹ ông là N.T.K. còn một sổ đứng tên

bố ông là Nguyễn Văn Huân. Năm 2008 bố ông mất, lúc đó ông đang đi cải tạo; đến khoảng năm 2009, 2010 ông N.V.Đ. có lên trại cải tạo bảo ông là có cán bộ phòng công chứng đến để làm thủ tục ký văn bản để xin giảm án. Lúc đó ông có điểm chỉ vào văn bản công chứng có sự chứng kiến của cán bộ trại giam nhưng ông không biết văn bản đó là giấy tờ gì cả. Ông xác nhận dấu vân tay trong giấy ủy quyền ngày 23/01/2011 tại Trại giam Yên Hạ, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La do Văn phòng công chứng miền Bắc lập là dấu vân tay, điểm chỉ của ông, do ông điểm chỉ viết tên Đắc nhưng nội dung thì ông không biết là nội dung gì. Cách đây khoảng 2,3 năm cán bộ ngân hàng vào yêu cầu xử lý tài sản thế chấp ông mới biết việc ông Đắc đã làm giấy tờ để đứng tên sở hữu mảnh đất mà bố mẹ ông đã nói là cho ông. Ông không có giấy tờ, tài liệu gì để nộp cho tòa án.

Đại diện VIB đề nghị Tòa án bác bỏ toàn bộ yêu cầu phản tố của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Đại diện UBND quận H.Đ. khẳng định việc giải quyết thủ tục đăng ký biến động nhận thừa kế sử dụng đất, nhận tặng cho quyền sử dụng đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BĐ 736979 ngày 17/5/2011 cho bà N.T.K.; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BĐ 737516 ngày 17/8/2011 cho ông N.V.Đ. đối với thửa đất số 13, tờ bản đồ số 8 tại Nghĩa Lộ, phường Y.N., quận H.Đ., TP. H.N. đã đảm bảo theo đúng trình tự, thủ tục quy định tại Luật đất đai năm 2003; nghị định 181/2004 ngày 29/10/2004 của Chính Phủ về thi hành Luật Đất Đai và nghị định số 88/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009 của Chính Phủ về cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; thông tư số 17/2009/TT-BTNMT ngày 21/10/2009 của Bộ tài nguyên và môi trường; Quyết định số 117/2009/QĐ- UBND ngày 01/12/2009 của UBND thành phố H.N. về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, đăng ký biến động về sử dụng đất, sở hữu tài sản gắn liền với đất cho hộ gia đình, cá nhân, được sở hữu nhà ở gắn liền với quyền sử dụng đất ở tại Việt Nam trên địa bàn thành phố H.N.. Ủy ban nhân dân quận H.Đ. đề nghị Tòa án nhân dân quận H.Đ. xem xét, giải quyết yêu cầu của người khởi kiện theo quy định của pháp luật.

Đại diện Văn phòng công chứng Miền Bắc trình bày: Ngày 23/01/2011 công chứng viên Văn phòng công chứng Miền Bắc đã gặp ông N.Đs. tại trại giam Yên Hạ - Tổng cục 8, Bộ Công an giải thích cho ông Đắc về trình tự thủ tục công chứng, nội dung văn bản công chứng và đã đọc toàn bộ nội dung văn bản công chứng cho ông Đắc nghe đồng thời giải thích các quyền và nghĩa vụ hậu quả pháp lý có liên quan đến Văn bản công chứng theo quy định của pháp luật, có xác nhận của trại giam Yên Hạ. Văn phòng công chứng miền Bắc, công chứng viên khẳng định chỉ thực hiện các thủ tục, nội dung công chứng với ông Đắc tại Trại giam, ngoài ra không làm việc, giải thích và trao đổi bất cứ nội

dung nào khác với ông N.Đs. tại Trại giam. Về nội dung giấy ủy quyền, các hợp đồng, giao dịch đang có tranh chấp, phòng công chứng Miền Bắc cho rằng giấy ủy quyền ngày 23/01/2011 và hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 10/3/2011 được Văn phòng công chứng lập trên cơ sở hai bên tự nguyện thỏa thuận theo quy định của pháp luật; công chứng viên tiếp nhận hồ sơ, lập và chứng nhận theo đúng trình tự thủ tục quy định của luật công chứng, đề nghị Tòa án nhân dân quận H.Đ. giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2019/DS-ST ngày 10/5/2019 của Tòa án nhân dân quận H.Đ., thành phố H.N. đã quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Quốc tế Việt Nam đối với ông N.V.Đ., bà N.T.T. theo Hợp đồng tín dụng số 0083/HĐTD-VIB020/11 ngày 14/9/2011

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông N.Đs. về việc yêu cầu hủy văn bản công chứng số 292, quyển số 01 do Văn phòng công chứng Miền Bắc lập ngày 23/11/2011; hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số công chứng 7884, quyển 06 ngày 10/3/2011 tại Văn phòng công chứng Miền Bắc và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BĐ 737516 do UBND quận H.Đ. đã cấp cho ông N.V.Đ.

3. Ghi nhận sự tự nguyện của VIB tự nguyện rút yêu cầu ông N.V.Đ., bà N.T.T. phải thanh toán trả ngân hàng tiền lãi phạt đối với hợp đồng tín dụng số 0083/HĐTD-VIB020/11 ngày 14/9/2011

4. Buộc ông N.V.Đ., bà N.T.T. phải trả cho ngân hàng thương mại cổ phần Quốc tế Việt Nam tổng số tiền là 1.515.577.514 đồng trong đó nợ gốc là 585.098.932 đồng; lãi trong hạn là 216.074.888 đồng; lãi quá hạn là 714.403.694 đồng.

Kể từ ngày 11/5/2019, ông N.V.Đ. và bà N.T.T. tiếp tục phải chịu lãi suất đối với số tiền nợ gốc chưa thi hành án xong theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành án cho đến khi thanh toán xong.

5. Trường hợp ông N.V.Đ., bà N.T.T. không thanh toán được số nợ trên cho Ngân hàng thương mại cổ phần Quốc tế Việt Nam thì Ngân hàng có quyền đề nghị cơ quan thi hành án phát mại tài sản đã thế chấp tại ngân hàng để thu hồi nợ là quyền sử dụng đất tại thửa đất số 13, tờ bản đồ số 8 có diện tích 255,7m² tại địa chỉ: Nghĩa Lộ, phường Y.N., quận H.Đ., thành phố H.N. thuộc quyền sở hữu của ông N.V.Đ. theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BĐ737516 do Ủy ban nhân dân quận H.Đ., TP. H.N. cấp ngày 17/8/2011; hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất ký ngày 9/9/2011 tại văn phòng công chứng H.Đ.

6. Tr- ờng hợp ông N.V.Đ., bà N.T.T. trả được toàn bộ khoản nợ trên thì ngân hàng có trách nhiệm trả lại giấy tờ nhà đất đã thế chấp và làm thủ tục giải chấp ngay.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo, thi hành án của các đương sự.

Không đồng ý với quyết định của bản án. Ngày 23/5/2019 ông N.V.Đ. kháng cáo toàn bộ bản án dân sự.

Tại phiên toà phúc thẩm, các đương sự không xuất trình các tài liệu chứng cứ khác. Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện. Bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận giải quyết vụ kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H.N. tham gia phiên toà phát biểu quan điểm:

Hội đồng xét xử phúc thẩm, thư ký Toà án và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm.

Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của VIB buộc ông Đặc và bà Thu phải trả cho VIB số tiền nợ gốc, lãi và có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý, phát mại tài sản bảo đảm thửa đất số 13, tờ bản đồ số 8, diện tích 255,7 m² tại Nghĩa Lộ, Y.N., H.Đ., H.N. đứng tên ông N.V.Đ. để thu hồi nợ là có căn cứ.

Đối với yêu cầu hủy văn bản ủy quyền công chứng số 292, quyển số 01 do Văn phòng công chứng Miền Bắc lập ngày 23/11/2011; hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông N.Đs. (do ông Đặc đại diện ký hợp đồng) tặng cho bà N.T.K.; yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BĐ 737516 do UBND quận H.Đ. đã cấp cho ông N.V.Đ. ngày 17/8/2011 là không có cơ sở vì các văn bản trên đều được lập đúng trình tự thủ tục phù hợp với quy định của pháp luật nên Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận các yêu cầu này là có căn cứ.

Tuy nhiên, trong vụ án người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông N.Đs. có yêu cầu hủy văn bản ủy quyền công chứng số 292, quyển số 01 do Văn phòng công chứng Miền Bắc lập ngày 23/11/2011; hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông N.Đs. (do ông Đặc đại diện ký hợp đồng) tặng cho bà N.T.K.; yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BĐ 737516 do UBND quận H.Đ. đã cấp cho ông N.V.Đ. ngày 17/8/2011 nên phải xác định quan hệ pháp luật là: tranh chấp hợp đồng tín dụng, yêu cầu hủy giấy ủy quyền số 292, hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mới chính xác.

Vì vậy, căn cứ khoản 2 Điều 308 BLTTDS: không chấp nhận kháng cáo của bị đơn. Sửa bản án sơ thẩm số 06/2019DSST ngày 6/5/2019 của Tòa án nhân dân quận H.Đ. bổ sung thêm quan hệ pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà; sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân

dân thành phố H.N. phát biểu quan điểm giải quyết vụ kiện, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Đương sự nộp đơn kháng cáo và tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm trong thời hạn quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[2] *Về nội dung*: Xét nội dung kháng cáo của ông N.V.Đ., Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

Ngày 14/9/2011 VIBcó ký hợp đồng tín dụng số 0083/HĐTD-VIB020/11 ngày 14/9/2011 cho ông Đặc, bà Thu vay 700.000.000 đồng; thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày nhận nợ đầu tiên; mục đích vay là để mua nhà ở; lãi suất tại thời điểm giải ngân là 22,5%/ năm, sau điều chỉnh 3 tháng/ lần; lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất vay nên xác định hợp đồng tín dụng số 0083/HĐTD-VIB020/11 ngày 14/9/2011 giữa VIBvà ông N.V.Đ., bà N.T.T. là phù hợp quy định của pháp luật.

Sau khi ký hợp đồng, ngân hàng đã giải ngân toàn bộ số tiền 700.000.000 đồng tiền vay cho ông Đặc, bà Thu theo kế ước nhận nợ vào ngày 14/9/2011; Ông Đặc, bà Thu đã thanh toán trả cho VIB114.901.068 đồng; lãi trong hạn là 133.111.361 đồng; lãi quá hạn là 15.940.594 đồng; sau đó không thanh toán trả nợ cho Ngân hàng nữa. Vì vậy toàn bộ khoản vay trên của ông Đặc, bà Thu đã bị chuyển sang nợ quá hạn kể từ ngày 10/9/2012.

Xét yêu cầu khởi kiện của VIBkhởi kiện yêu cầu ông Đặc, bà Thu thanh toán trả ngân hàng toàn bộ số tiền còn nợ theo hợp đồng tín dụng số 0083/HĐTD-VIB020/11 và kế ước nhận nợ ngày 14/9/2011 là có căn cứ, phù hợp với các điều 52,54,56 Luật các tổ chức tín dụng.

Đối chiếu các thỏa thuận ghi trong hợp đồng tín dụng, kế ước nhận nợ, bảng kê tính lãi mà ngân hàng cung cấp, xét thấy mức lãi suất ngân hàng tính và yêu cầu ông Đặc, bà Thu phải trả là phù hợp với các thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng ký ngày 14/9/2011 giữa hai bên, phù hợp với quy định của Thống đốc ngân hàng nhà nước cũng như quy định của Bộ luật dân sự về lãi suất nên có cơ sở chấp nhận. Vì vậy buộc ông N.V.Đ., bà N.T.T. phải thanh toán trả VIBtoàn bộ tiền nợ gốc và tiền lãi phát sinh tạm tính đến ngày 10/5/2019 tổng số tiền là 1.515.577.514 đồng trong đó nợ gốc là 585.098.932 đồng; lãi trong hạn là 216.074.888 đồng; lãi quá hạn là 714.403.694 đồng.

Đối với tài sản đảm bảo của khoản vay trên: Tài sản đảm bảo cho khoản vay trên là quyền sử dụng đất tại thửa đất số 13, tờ bản đồ số 8 có diện tích 255,7m² tại địa chỉ: Nghĩa Lộ, phường Y.N., quận H.Đ., TP. H.N. đó được cấp UBND quận H.Đ. cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BĐ737516 ngày 17/8/2011 mang tên ông N.V.Đ. là tài sản ông N.V.Đ. được bà N.T.K. (mẹ ông Đặc) tặng cho riêng và đã được ông N.V.Đ. sử dụng để thế chấp cho VIBtheo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số công chứng 2792/2011, quyền

06TP/CC-SCC/HĐTC ký ngày 9/9/2011 tại Văn phòng công chứng H.Đ.. Tài sản trên đảm bảo cho số tiền vay cao nhất là 1.500.000.000 đồng.

Đối với yêu cầu hủy văn bản công chứng số 292, quyền số 01 do Văn phòng công chứng Miền Bắc lập ngày 23/11/2011; hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số công chứng 7884, quyền 06 ngày 10/3/2011 tại Văn phòng công chứng Miền Bắc và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BĐ 737516 do UBND quận H.Đ. đã cấp cho ông N.V.Đ. ngày 17/8/2011 của ông N.Đs. – em trai ông N.V.Đ., xét thấy: Giấy ủy quyền số 292, quyền số 01 TP/CC-SCC/UQ do Văn phòng công chứng Miền Bắc lập tại Trại giam Yên Hạ, Phù Yên, Sơn La; tại thời điểm công chứng, công chứng viên của văn phòng công chứng Miền Bắc đã gặp ông N.Đs. tại trại giam Yên Hạ, Tổng cục 8, Bộ Công an giải thích cho ông Đắc về trình tự thủ tục công chứng, nội dung văn bản công chứng và đã đọc toàn bộ nội dung văn bản công chứng cho ông Đắc nghe, đồng thời giải thích các quyền và nghĩa vụ hậu quả pháp lý có liên quan đến văn bản công chứng theo quy định của pháp luật. Văn phòng công chứng Miền Bắc chỉ thực hiện các thủ tục, nội dung công chứng với ông N.Đs. tại trại giam ngoài ra không làm việc, giải thích và trao đổi bất cứ nội dung nào khác với ông N.Đs. tại trại giam. Ông N.Đs. cũng thừa nhận ngày 23/01/2011 cán bộ công chứng lên trại giam Yên Hạ, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La nơi ông cải tạo lập văn bản, ông có điểm chỉ vào văn bản có sự chứng kiến của cán bộ trại giam, tuy nhiên ông không biết nội dung là gì; ông Đắc bảo ông là có cán bộ phòng công chứng đến để làm thủ tục ký văn bản để xin giảm án. Tại Tòa án cấp sơ thẩm, ông Đắc khai có hiểu việc giảm án do trại giam tiến hành xét giảm chứ không phải là văn phòng công chứng; mặt khác tại giấy ủy quyền số 292, quyền số 01 TP/CC-SCC/UQ do Văn phòng công chứng Miền Bắc lập tại Trại giam Yên Hạ, Phù Yên, Sơn La cũng thể hiện bên ủy quyền là ông N.Đs. đã nghe công chứng viên đọc lại giấy ủy quyền nên có đủ căn cứ xác định giấy ủy quyền số 292, quyền số 01 TP/CC-SCC/UQ do Văn phòng công chứng Miền Bắc lập tại Trại giam Yên Hạ, Phù Yên, Sơn La được lập trên cơ sở tự nguyện, đúng pháp luật.

Đối với hợp đồng tặng cho một phần quyền sử dụng đất số công chứng 7884, quyền 06 ngày 10/3/2011 tại Văn phòng công chứng Miền Bắc được các bên thiết lập giữa bên tặng cho là ông N.V.Đ. tiến hành tặng cho phần tài sản của bên ủy quyền là ông N.Đs., căn cứ theo nội dung giấy ủy quyền số 292, quyền số 01 TP/CC-SCC/UQ do Văn phòng công chứng Miền Bắc lập tại Trại giam Yên Hạ, Phù Yên, Lai Châu; với bên được tặng cho là bà N.T.K.. Xét nội dung, hình thức hợp đồng được các bên thiết lập trên cơ sở tự nguyện, ủy quyền hợp pháp nên đảm bảo về thủ tục pháp lý, đúng pháp luật; vì vậy không có cơ sở chấp nhận yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho một phần quyền sử dụng đất số công chứng 7884, quyền 06 ngày 10/3/2011 tại Văn phòng công chứng Miền Bắc.

Về yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BĐ 737516 do UBND quận H.Đ. đã cấp cho ông N.V.Đ. ngày 17/8/2011 của ông N.Đs., không có cơ sở chấp nhận vì sau khi ông Nguyễn Huân mất, các đồng thừa kế đã thống nhất thỏa thuận phân chia di sản thừa kế và tặng cho quyền sử dụng đất cho bà N.T.K. và bà N.T.K. là chủ sử dụng toàn bộ diện tích 313,5m² tại thửa đất số 13, tờ bản đồ số 8 tại địa chỉ: Nghĩa Lộ, phường Y.N., quận H.Đ., H.N.. Ngày 17/5/2011 UBND quận H.Đ. cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BĐ 736979, đối với thửa đất số 13, tờ bản đồ số 8, diện tích 313,5m² tại Nghĩa Lộ, phường Y.N., quận H.Đ., H.N. mang tên chủ sở hữu là bà N.T.K., sinh năm 1931; trú tại: Tổ 9, Nghĩa Lộ, phường Y.N., H.Đ.. Do thửa đất trên là tài sản của bà Kinh nên bà Kinh có toàn quyền định đoạt đối với thửa đất trên. Vì vậy việc bà Kinh ký hợp đồng tặng cho cho ông N.V.Đ. toàn bộ diện tích 255,7m² tại thửa đất số 13, tờ bản đồ số 8, tại địa chỉ Nghĩa Lộ, phường Y.N., quận H.Đ., H.N.. Ngày 17/8/2011 UBND quận H.Đ. cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BĐ 737516 cho ông N.V.Đ. đối với diện tích đất 255,7m² tại thửa đất số 13, tờ bản đồ số 8, tại địa chỉ Nghĩa Lộ, phường Y.N., quận H.Đ., H.N. là hoàn toàn hợp pháp, không ảnh hưởng gì đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông N.Đs.. Vì vậy, không chấp nhận yêu cầu của ông N.Đs. hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BĐ 737516 do UBND quận H.Đ. đã cấp cho ông N.V.Đ. ngày 17/8/2011.

Xét nguồn gốc thửa đất số 13, tờ bản đồ số 8, diện tích 365,3m² tại Thôn Nghĩa Lộ, xã Y.N., huyện Hoài Đức, tỉnh Hà Tây cũ (nay là tổ 9, phường Y.N., quận H.Đ., H.N.) xác định như sau: thửa đất số 13, tờ bản đồ số 8, diện tích 365,3m² tại Thôn Nghĩa Lộ, xã Y.N., huyện Hoài Đức, tỉnh Hà Tây cũ được UBND huyện Hoài Đức, tỉnh Hà Tây cũ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S531708 mang tên hộ ông Nguyễn Văn Huân. Ngày 6/2/2009 ông Nguyễn Văn Huân chết theo giấy chứng tử số 8, quyển số 1 do UBND phường Y.N., quận H.Đ. đăng ký.

Năm 2011 ông N.Đs. (con ông Nguyễn Văn Huân) đi cải tạo tại Trại giam Yên Hạ, Phù Yên, Sơn La nên vào ngày 23/01/2011 tại Trại giam Yên Hạ, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La, công chứng viên văn phòng công chứng miền Bắc đã thực hiện công chứng giấy ủy quyền số 292, quyển số 01 TP/CC-SCC/UQ có nội dung ông N.Đs. ủy quyền cho ông N.V.Đ., sinh năm 1966 (anh trai ông Đắc); hộ khẩu thường trú: tổ 9, phường Y.N., quận H.Đ., TP. H.N.; toàn quyền thay mặt, nhân danh ông Đắc làm các thủ tục khai nhận di sản, phân chia di sản thừa kế do bố đẻ ông là ông Nguyễn Văn Huân để lại theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S531708 do UBND huyện Hoài Đức, tỉnh Hà Tây cũ cấp ngày 20/10/2003 cho hộ ông Nguyễn Văn Huân. Mọi điều kiện do ông N.V.Đ. toàn quyền quyết định; sau khi làm thủ tục khai nhận di sản thừa kế xong, ông N.V.Đ. được toàn quyền ký hợp đồng chuyển nhượng, tặng cho quyền sử dụng

đất nêu trên có xác nhận của Trại giam Yên Hạ, Tổng cục 8, Bộ Công an; ông N.Đs. cũng xác nhận chữ ký và dấu vân tay trong văn bản ủy quyền là của ông nên có đủ cơ sở khẳng định văn bản ủy quyền số 292, quyền số 01 TP/CC-SCC/UQ do Văn phòng công chứng Miền Bắc lập ngày 23/01/2011 tại Trại giam Yên Hạ, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La là đúng sự thật, hợp pháp.

Ngày 10/3/2011 tại Văn phòng công chứng Miền Bắc, bà N.T.K. (vợ ông Huân); bà Nguyễn Thị Luân, bà Nguyễn Thị Lý, ông N.V.Đ., ông N.Đs. ủy quyền cho ông N.V.Đ. xác nhận di sản thừa kế là một phần quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S531708 do UBND huyện Hoài Đức, tỉnh Hà Tây cũ cấp ngày 20/10/2003 cho hộ ông Nguyễn Văn Huân; đồng thời tự nguyện đồng ý tặng cho phần quyền thừa kế di sản của ông Nguyễn Văn Huân tại địa chỉ thôn Nghĩa Lộ, xã Y.N., huyện Hoài Đức, tỉnh Hà Tây (nay là phường Y.N., quận H.Đ., TP. H.N.) để lại cho bà N.T.K..

Cùng ngày 10/3/2011 tại Văn phòng công chứng Miền Bắc, ông N.V.Đ. là người đại diện theo ủy quyền của ông N.Đs. (theo giấy ủy quyền số 292, quyền số 01 TP/CC-SCC/UQ lập ngày 23/1/2011 tại Trại giam Yên Hạ, Phù Yên, Sơn La) đã ký hợp đồng tặng cho một phần quyền sử dụng đất trong khối tài sản chung của hộ gia đình ông Nguyễn Văn Huân theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S531708 do UBND huyện Hoài Đức, tỉnh Hà Tây cũ cấp ngày 20/10/2003 cho hộ ông Nguyễn Văn Huân cho bà N.T.K. theo hợp đồng tặng cho một phần quyền sử dụng đất số sổ công chứng 7884, quyền 06 ngày 10/3/2011 tại Văn phòng công chứng Miền Bắc. Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do cơ quan chức năng cung cấp xác định: sau khi thỏa thuận phân chia di sản thừa kế và tặng cho quyền sử dụng đất, bà N.T.K. là chủ sử dụng toàn bộ diện tích 313,5m² tại thửa đất số 13, tờ bản đồ số 8 tại địa chỉ: Nghĩa Lộ, phường Y.N., quận H.Đ., H.N.. Ngày 17/5/2011 UBND quận H.Đ. cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BĐ 736979, đối với thửa đất số 13, tờ bản đồ số 8, diện tích 313,5m² tại Nghĩa Lộ, phường Y.N., quận H.Đ., H.N. mang tên chủ sở hữu là bà N.T.K., sinh năm 1931; trú tại: Tổ 9, Nghĩa Lộ, phường Y.N., H.Đ..

Sau khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất trên, ngày 16/6/2011 bà N.T.K. chuyển nhượng cho bà Bùi Thị Tuyết Lan quyền sử dụng 57,8m² của thửa đất trên. Ngày 3/8/2011 bà N.T.K. đã ký hợp đồng tặng cho ông N.V.Đ. quyền sử dụng toàn bộ phần diện tích 255,7m² còn lại của thửa đất trên tại Văn phòng công chứng Miền Bắc. Đến ngày 17/8/2011 UBND quận H.Đ. cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BĐ 737516 cho ông N.V.Đ. đối với diện tích đất 255,7m² tại thửa đất số 13, tờ bản đồ số 8, tại địa chỉ Nghĩa Lộ, phường Y.N., quận H.Đ., H.N..

Xét yêu cầu của ông N.Đs. không có căn cứ nên không chấp nhận yêu cầu hủy văn bản công chứng số 292, quyền số 01 do Văn phòng công chứng miền

Bắc lập ngày 23/11/2011; hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số công chứng 7884, quyển 06 ngày 10/3/2011 tại Văn phòng công chứng Miền Bắc và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BĐ 737516 do UBND quận H.Đ. đã cấp cho ông N.V.Đ. ngày 17/8/2011 của ông N.Đs..

Về yêu cầu xử lý tài sản thế chấp trong trường hợp ông N.V.Đ., bà N.T.T. không thực hiện nghĩa vụ thanh toán trả nợ của Ngân hàng TMCP quốc tế Việt Nam, xét thấy: hợp đồng thế chấp được ký kết giữa bên thế chấp là ông N.V.Đ. (chủ sở hữu, sử dụng hợp pháp theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BĐ 737516 do UBND quận H.Đ. cấp ngày 17/8/2011) với bên nhận thế chấp là VIB được lập trên cơ sở tự nguyện không bị ép buộc, hợp đồng đã được công chứng và đăng ký giao dịch đảm bảo theo đúng thủ tục pháp luật, có giá trị buộc các bên phải thi hành. Vì vậy trong trường hợp ông Đặc, bà Thu không thực hiện nghĩa vụ thanh toán trả nợ cho VIB thì ngân hàng có quyền yêu cầu xử lý tài sản đảm bảo là quyền sử dụng đất và nhà ở thuộc quyền sở hữu của ông N.V.Đ. tại thửa đất số 13, tờ bản đồ số 8 có diện tích 255,7m² tại địa chỉ: Nghĩa Lộ, phường Y.N., quận H.Đ., TP. H.N. là có căn cứ được chấp nhận.

Trong vụ án người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông N.Đs. có yêu cầu hủy văn bản ủy quyền công chứng số 292, quyển số 01 do Văn phòng công chứng Miền Bắc lập ngày 23/11/2011; hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông N.Đs. (do ông Đặc đại diện ký hợp đồng) tặng cho bà N.T.K.; yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BĐ 737516 do UBND quận H.Đ. đã cấp cho ông N.V.Đ. ngày 17/8/2011 nên phải xác định quan hệ pháp luật là: tranh chấp hợp đồng tín dụng, yêu cầu hủy giấy ủy quyền số 292, hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mới chính xác. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã giải quyết các yêu cầu trên của đương sự nhưng chỉ xác định một quan hệ tranh chấp hợp đồng tín dụng là thiếu sót. Do vậy, cần bổ sung về quan hệ pháp luật của vụ án.

Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy nhận định của Tòa án cấp sơ thẩm là có căn cứ. Do vậy, không chấp nhận kháng cáo của ông N.V.Đ.. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân quận H.Đ..

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H.N. tham gia phiên tòa không chấp nhận kháng cáo của ông N.V.Đ. là phù hợp với nhận định của hội đồng xét xử.

Về án phí: Do giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm nên ông Đặc phải nộp án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 38, Điều 147, Điều 148, Điều

271, Điều 273, khoản 1 Điều 308, Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 305, 342, 343, 351, 355, 474, 476 Bộ luật dân sự năm 2005; Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2000 của chính phủ về giao dịch đảm bảo; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo.

Tuyên xử: Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 07/2019/DSST ngày 10/5/2019 của Tòa án nhân dân quận H.Đ., thành phố H.N., cụ thể như sau:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Quốc tế Việt Nam đối với ông N.V.Đ., bà N.T.T. theo Hợp đồng tín dụng số 0083/HĐTD-VIB020/11 ngày 14/9/2011

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông N.Đs. về việc yêu cầu hủy văn bản công chứng số 292, quyền số 01 do Văn phòng công chứng Miền Bắc lập ngày 23/11/2011; hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số công chứng 7884, quyền 06 ngày 10/3/2011 tại Văn phòng công chứng Miền Bắc và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BĐ 737516 do UBND quận H.Đ. đã cấp cho ông N.V.Đ..

3. Ghi nhận sự tự nguyện của VIB rút yêu cầu ông N.V.Đ., bà N.T.T. phải thanh toán trả ngân hàng tiền lãi phạt đối với hợp đồng tín dụng số 0083/HĐTD-VIB020/11 ngày 14/9/2011.

4. Buộc ông N.V.Đ., bà N.T.T. phải trả cho ngân hàng thương mại cổ phần Quốc tế Việt Nam tổng số tiền là 1.515.577.514 đồng trong đó nợ gốc là 585.098.932 đồng; lãi trong hạn là 216.074.888 đồng; lãi quá hạn là 714.403.694 đồng.

Kể từ ngày 11/5/2019, ông N.V.Đ. và bà N.T.T. tiếp tục phải chịu lãi suất đối với số tiền nợ gốc ch- a thi hành án xong theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành án cho đến khi thanh toán xong.

5. Trường hợp ông N.V.Đ., bà N.T.T. trả được toàn bộ khoản nợ trên thì ngân hàng có trách nhiệm trả lại giấy tờ nhà đất đã thế chấp và thực hiện thủ tục xóa đăng ký biện pháp bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất đã ký.

6. Trường hợp ông N.V.Đ., bà N.T.T. không thanh toán được số nợ trên cho Ngân hàng thương mại cổ phần Quốc tế Việt Nam thì Ngân hàng có quyền đề nghị cơ quan thi hành án phát mại tài sản đã thế chấp tại ngân hàng để thu hồi nợ là quyền sử dụng đất tại thửa đất số 13, tờ bản đồ số 8 có diện tích 255,7m² tại địa chỉ: Nghĩa Lộ, phường Y.N., quận H.Đ., TP. H.N. thuộc quyền sở hữu của ông N.V.Đ. theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BĐ737516 do Ủy ban nhân dân quận H.Đ., TP. H.N. cấp ngày 17/8/2011; hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất ký ngày 9/9/2011 tại văn phòng công chứng H.Đ., số công

chứng 2792/2011, quyền số 06TP/CC-SCC/HĐTC. Nếu số tiền thu được từ bán/xử lý tài sản đảm bảo không đủ thanh toán hết khoản nợ thì ông N.V.Đ. vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho VIB(VIB). Nếu số tiền thu được từ bán/xử lý tài sản đảm bảo sau khi thanh toán hết khoản nợ còn thừa, thì VIB(VIB) có trách nhiệm trả cho ông N.V.Đ..

7. Về án phí:

- Ông N.V.Đ., bà N.T.T. phải nộp 57.467.325 đồng án phí dân sự sơ thẩm.
- Trả lại Ngân hàng thương mại cổ phần Quốc tế Việt Nam tiền tạm ứng án phí sơ thẩm là 21.989.500 đồng (đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số 0003984 ngày 15/12/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự quận H.Đ.).
- Ông N.Đs. phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí dân sự số 0001833 ngày 05/9/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự quận H.Đ., H.N.).
- Ông N.V.Đ. phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm (đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí dân sự số 0007722 ngày 23/5/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự quận H.Đ., H.N.).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDTP H.N.;
- TAND quận H.Đ.;
- Chi cục THADS quận H.Đ.;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Mai Tiến Dũng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ